

Thứ ba, ngày 3 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tiếp tục hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 4/3/2020		•	
Tuần 2/3-6/3/2020		•	
Tháng 3/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên sáng, VN-Index đã duy trì đà hồi phục tích cực của phiên hôm trước, trong bối cảnh chỉ số Dow Jones của Mỹ ghi nhận mức tăng điểm mạnh hơn một thập kỉ sau tuần sụt giảm trước đó. Đà hồi phục còn tiếp diễn trong phiên chiều và chỉ số chính thức kết phiên quanh ngưỡng 890 điểm. Nhóm ngành Ngân hàng với các mã BID, CTG, VCB, VPB, MBB quay trở lại vai trò nâng đỡ thị trường. Tuy nhiên, áp lực bán ròng từ khối ngoại liên tiếp trong những phiên gần đây vẫn là một trong những rủi ro của giai đoạn này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có sự phân hóa về giá. VN30F2003 và VN30F2009 đang giảm, trong khi VN30F2004 đang tăng. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 825 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 03/03/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

Danh mục i-Invest: Theme Xây dựng_ 2.2%. 19/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.2%**, con số này của VNINDEX là 0.7%.

Phân tích kỹ thuật: DXG_ Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, STB, KSB, TIG, TAR**

Cập nhật iBroker: **VNM, QNS, SAB, GTN, VHC**

Điểm nhấn

- VN-Index **+6.18 điểm**, đóng cửa 890.61. HNX-Index **+1.91 điểm**, đóng cửa 112.58.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+2.12); CTG (+1.06); GAS (+0.56); VCB (+0.43); VNM (+0.41).**
- Kéo chỉ số giảm: **PLX (-0.17); EIB (-0.07); VCF (-0.07); VRE (-0.06); STB (-0.05).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,919 tỷ đồng**, **+4.4%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 6.33 điểm. Thị trường có **216 mã tăng**, 77 mã tham chiếu **127 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **269.38 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (59.19 tỷ), HDB (37.51 tỷ) và VHM (35.66 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **84.51 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

890.61

Giá trị: 2919.82 tỷ

6.18 (0.7%)

Khối ngoại (ròng): -269.38 tỷ

HNX-INDEX

112.58

Giá trị: 903.73 tỷ

1.91 (1.73%)

Khối ngoại (ròng): -84.51 tỷ

UPCOM-INDEX

55.47

Giá trị: 0.42 tỷ

0.3 (0.54%)

Khối ngoại(ròng): 13.6 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	47.6	1.71%
Giá vàng	1,596	0.41%
Tỷ giá USD/VND	23,221	-0.04%
Tỷ giá EUR/VND	25,872	0.42%
Tỷ giá JPY/VND	21,511	0.29%
LS liên NH 1 tháng	3.0%	5.01%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-9.76%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFN30	27.6	HPG	59.1
NLG	25.4	HDB	37.5
CTG	25.2	VHM	35.7
PHR	13.9	VIC	35.4
BID	12.4	VRE	33.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Phân tích kỹ thuật

DXG_ Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ âm, có dấu hiệu chuyển sang trạng thái phân kỳ với MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: DXG đang hình thành mô hình 2 đáy với ngưỡng đáy sau cao hơn ngưỡng đáy trước. Thanh khoản cổ phiếu vẫn nằm ở dưới ngưỡng trung bình 20 phiên nhưng đang có dấu hiệu tăng dần, cho thấy động lực tăng đang hình thành. Chỉ báo RSI đang ủng hộ xu hướng tăng giá trong khi chỉ báo MACD cho thấy dấu hiệu khởi đầu của nhịp tăng. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế ngắn hạn tại vùng giá 12-12.5 và chốt lời tại vùng kháng cự 14-15, cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 11.5.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 3/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 3/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	48.12	2.93%	-3.57%	-7.87%	-17.57%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	53.27	2.64%	-1.82%	-5.58%	-18.44%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	156.95	1.94%	-4.41%	-6.35%	-11.60%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1596.40	0.44%	-2.37%	0.46%	22.58%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.93	1.16%	-5.96%	-6.17%	10.73%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	902.00	0.11%	1.55%	1.29%	-7.20%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	522.00	-0.24%	-2.79%	-6.54%	3.26%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.37	0.00%	-0.97%	-7.83%	3.94%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	175.10	1.51%	-5.30%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.81	-2.33%	-6.25%	-3.56%	-1.71%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	115.60	3.82%	8.14%	10.89%	0.22%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5700.00	1.15%	0.19%	2.01%	-11.06%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3438.00	1.15%	-0.66%	-3.09%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1717.00	1.33%	1.06%	-0.81%	-8.43%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	659.50	3.21%	-0.83%	-0.85%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	67.05	0.60%	0.45%	-0.96%	-22.71%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent tăng 2.23 USD hay 4% lên 51.9 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 1.9 USD hay 4.5% lên 46.75 USD/thùng.
- Đây là phiên tăng giá đầu tiên của cả 2 loại dầu này sau 6 phiên giảm bởi lo lắng về virus corona, đã giết chết hơn 3,000 người và lây lan rộng ra khắp thế giới. Một số thành viên quan trọng của OPEC đang cân nhắc cắt giảm sản lượng thêm trong quý 2 do lo sợ sự bùng phát của virus sẽ xói mòn nhu cầu dầu. Đề xuất trước đó là cắt giảm sản lượng thêm 600,000 thùng/ngày so với hiện nay. Ngày 2/3 Bộ trưởng Năng lượng Nga cho biết Moscow đang đánh giá đề xuất cắt giảm sản lượng ít hơn do OPEC+ đưa ra, đồng thời không nhận được đề xuất cắt giảm sâu hơn.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.4% lên 1,591.84 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 tăng 1.8% lên 1,594.8 USD/ounce.
- Vàng tăng gần 1% trong phiên qua, phục hồi sau khi sụt giảm 1 ngày lớn nhất trong gần 7 năm, do khả năng Cục dự trữ Liên bang Mỹ và các ngân hàng trung ương khác nới lỏng chính để giảm tác động tới nền kinh tế từ sự bùng phát virus corona.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn giao dịch Đại Liên tăng 5.8% lên 653 CNY (93.7 USD)/tấn. Giá quặng sắt của Trung Quốc tăng trong phiên qua do dự trữ đang giảm tại các cảng cho thấy nhu cầu nguyên liệu thô này của các nhà máy thép đang cải thiện, trong khi kỳ vọng Bắc Kinh sẽ tung ra thêm các biện pháp hỗ trợ kinh tế đã tê liệt. Hoạt động sản xuất và xây dựng tại Trung Quốc đang dần khôi phục sau đợt nghỉ Tết kéo dài, các nhà máy dừng hoạt động và đi lại hạn chế nhằm ngăn sự bùng phát của virus corona. Nhu cầu thép có thể tăng hơn nữa do kỳ vọng Trung Quốc sẽ tung ra thêm các biện pháp kích thích, sau khi hoạt động của nhà máy tại đây giảm xuống mức thấp kỷ lục vào tháng trước bởi dịch bệnh.
- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 2%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 2.6%.

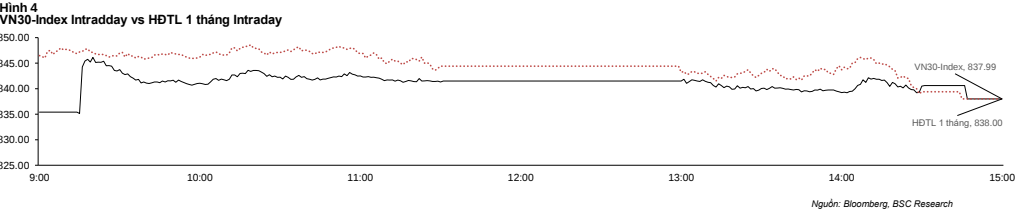
Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 5 giảm 2.2% xuống 13.83 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 5 trên sàn London giảm 1.1% xuống 392.4 USD/tấn. Tổ chức đường Thế giới đã dự báo thiếu hụt 9.44 triệu tấn trong niên vụ 2019/20, thâm hụt lớn nhất trong 11 năm.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn TOCOM tăng 0.3 JPY lên 172.5 JPY/kg, trong bối cảnh hy vọng các ngân hàng trung ương toàn cầu thực hiện kích thích để giảm thiệt hại tới kinh tế từ sự bùng phát của virus corona. Giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 1.2% lên 10,990 CNY/tấn.
- Ông Haruhiko Kuroda, Thống đốc ngân hàng Nhật Bản cho biết ngân hàng này sẽ thực hiện các bước cần thiết để ổn định các thị trường tài chính.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2003	838.00	-0.19%	0.01	15.0%	136,611	3/19/2020	18
VN30F2004	844.00	0.62%	6.01	30.1%	346	4/16/2020	46
VN30F2006	848.70	0.00%	10.71	-10.8%	91	6/18/2020	109
VN30F2009	840.90	-0.23%	2.91	721.1%	156	9/17/2020	200

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 2.57 điểm lên mức 837.99 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VPB, CTG, BID, và MBB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng mạnh trong phiên ATC lên trên 845 điểm. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại điều chỉnh giảm, chốt phiên dưới 840 điểm. Thanh khoản giữ tại mức thấp, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh vùng 825-840 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL có sự phân hóa về giá. VN30F2003 và VN30F2009 đang giảm, trong khi VN30F2004 đang tăng. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2003 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2004 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 825 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CDPM2001	KIS	6/19/2020	108	2:1	141,070	1.4%	2.0 triệu	28.94%	1,000	420	20.00%	98.90	4.25
CMSN2001	KIS	12/16/2020	288	5:1	42,860	2043.0%	2.0 triệu	27.42%	2,300	1,260	10.53%	202.20	6.23
CMBB1905	HSC	4/8/2020	36	2:1	168,500	-35.2%	5.0 triệu	22.14%	1,700	330	6.45%	33.90	9.73
CMBB1903	SSI	4/22/2020	50	1:1	129,270	64.7%	3.0 triệu	22.14%	4,000	1,040	6.12%	321.80	3.23
CFPT1905	SSI	4/22/2020	50	1:1	32,170	-64.3%	1.0 triệu	23.55%	9,900	4,160	5.58%	2,614.70	1.59
CVPB2001	HSC	6/22/2020	111	2:1	44,990	-42.4%	5.0 triệu	27.33%	1,500	4,060	3.84%	3,728.90	1.09
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	52	5:1	172,140	-4.3%	2.0 triệu	21.57%	2,200	1,120	1.82%	447.10	2.51
CHPG1909	KIS	5/15/2020	73	2:1	233,820	38.3%	5.0 triệu	26.62%	1,800	580	1.75%	175.30	3.31
CTCB2001	HSC	6/22/2020	111	2:1	63,360	642.8%	5.0 triệu	24.66%	1,700	1,240	1.64%	570.60	2.17
CFPT1908	MBS	6/17/2020	106	3:1	122,350	-39.3%	2.4 triệu	23.55%	3,150	2,290	0.44%	1,426.40	1.61
CMWG2002	MBS	4/24/2020	52	10:1	242,320	-15.5%	2.0 triệu	23.93%	1,950	1,180	0.00%	524.00	2.25
CFPT2001	HSC	6/22/2020	111	5:1	209,190	-43.5%	5.0 triệu	23.55%	1,600	1,230	0.00%	648.20	1.90
CHDB2002	MBS	4/10/2020	38	2:1	116,410	-43.5%	1.5 triệu	24.05%	1,950	1,450	0.00%	1,022.30	1.42
CHPG2003	MBS	5/4/2020	62	3:1	264,850	10.9%	6.0 triệu	26.62%	1,570	670	0.00%	1.30	515.38
CHPG2001	HSC	6/30/2020	119	2:1	125,580	-3.5%	5.0 triệu	26.62%	1,800	1,030	0.00%	412.70	2.50
CROS2001	KIS	6/19/2020	108	4:1	827,620	142.2%	10.0 triệu	48.89%	1,500	100	0.00%	-	-
CTCB1902	VND	6/5/2020	94	1:1	31,220	-76.0%	2.0 triệu	24.66%	5,300	2,900	-0.68%	2,175.60	1.33
CSTB2001	KIS	6/19/2020	108	1:1	338,110	-47.4%	5.0 triệu	24.22%	1,500	2,280	-2.15%	1,550.10	1.47
CVRE2001	KIS	9/21/2020	202	4:1	111,000	14.1%	8.0 triệu	25.95%	1,500	650	-2.99%	87.00	7.47
CMWG2001	HSC	6/22/2020	111	10:1	87,800	-26.5%	5.0 triệu	23.93%	1,700	940	-3.09%	295.60	3.18
CSBT2001	KIS	12/16/2020	288	1:1	1,000	25.0%	2.0 triệu	18.58%	2,900	3,910	-8.86%	1,779.30	2.20
CREE1905	MBS	6/17/2020	106	3:1	131,810	491.1%	2.4 triệu	23.87%	2,150	1,190	-9.16%	195.90	6.07
Tổng:					3,637,440		86.30 triệu	25.58%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 03/03/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

• Về giá, CMSN2001 tăng mạnh 10.53%. Trái lại, CREE1905 và CSBT2001 giảm mạnh lần lượt là -9.16% và -8.86%. Thanh khoản thị trường giảm -1.07%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.81% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HDB, STB và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	105.30	0.77	0.50
VPB	27.15	0.93	0.58
CTG	26.45	3.73	0.43
BID	46.90	3.68	0.38
MBB	20.90	0.97	0.30

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
EIB	17.5	-1.13	-0.29
STB	12.3	-0.81	-0.25
SBT	21.1	-1.40	-0.11
PLX	50.3	-0.98	-0.07
VRE	28.5	-0.35	-0.06

Source: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CDPM2001	16,567	14,567	12,400
CMSN2001	77,289	65,789	49,000
CMBB1905	26,400	23,000	20,900
CMBB1903	26,000	22,000	20,900
CFPT1905	64,900	55,000	55,900
CVPB2001	23,000	20,000	27,150
CPNJ2001	94,500	83,500	82,000
CHPG1909	28,280	24,680	22,300
CTCB2001	26,400	23,000	22,500
CFPT1908	63,450	54,000	55,900
CMWG2002	129,500	110,000	106,400
CFPT2001	64,000	56,000	55,900
CHDB2002	29,900	26,000	27,700
CHPG2003	26,810	22,100	22,300
CHPG2001	27,600	24,000	22,300
CROS2001	32,468	26,468	7,440
CTCB1902	26,300	21,000	22,500
CSTB2001	12,499	10,999	12,250
CVRE2001	42,789	36,789	28,450
CMWG2001	132,000	115,000	106,400
CSBT2001	24,011	21,111	21,100
CREE1905	39,124	32,977	32,400

Source: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	106.4	-0.1%	0.8	2,097	3.1	8,655	12.3	3.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	82.0	0.5%	1.1	803	1.4	5,327	15.4	4.0	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	55.7	1.8%	1.3	1,798	0.3	1,632	34.1	2.2	29.4%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.0	0.6%	0.7	311	0.0	2,623	11.8	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	105.5	0.1%	0.9	15,515	2.6	2,268	46.5	4.7	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	28.5	-0.4%	1.1	2,811	2.2	1,253	22.7	2.4	32.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.7	0.2%	0.8	2,264	1.7	3,552	15.1	2.3	6.5%	16.6%
REE	Bất động sản	32.4	-0.2%	1.0	437	0.7	5,286	6.1	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.5	5.5%	1.6	284	1.0	2,850	4.4	0.9	43.3%	20.3%
SSI	Chứng khoán	16.0	0.9%	1.4	359	1.5	1,787	8.9	0.9	53.8%	9.9%
VCI	Chứng khoán	26.0	0.0%	1.0	186	0.0	4,218	6.2	1.1	35.5%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.3	0.6%	1.8	230	0.8	1,421	12.2	1.2	54.9%	11.7%
FPT	Công nghệ	55.9	0.4%	0.8	1,649	2.9	4,225	13.2	2.7	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	45.5	-3.2%	0.4	492	0.0	4,812	9.5	2.4	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	80.0	1.3%	1.5	6,657	1.0	6,096	13.1	3.2	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	50.3	-1.0%	1.5	2,604	0.5	3,495	14.4	2.6	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	15.2	1.3%	1.5	316	1.7	1,529	9.9	0.6	20.5%	6.2%
BSR	Dầu khí	7.9	3.9%	0.8	1,065	1.7	1,163	6.8	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.8	-1.3%	0.5	533	0.1	4,668	20.1	3.6	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.4	3.3%	0.6	211	0.2	774	16.0	0.6	18.9%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.0	0.2%	0.6	139	0.1	600	10.1	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	82.2	0.5%	1.2	13,255	3.0	5,004	16.4	3.6	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	46.9	3.9%	1.7	8,201	2.1	2,398	19.6	2.5	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	26.5	3.7%	1.5	4,282	10.9	2,541	10.4	1.3	29.6%	13.1%
VPB	Ngân hàng	27.2	0.9%	1.2	2,878	2.9	3,370	8.1	1.6	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	20.9	1.0%	1.1	2,133	5.3	3,480	6.0	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	25.6	1.6%	1.2	1,844	7.1	3,686	6.9	1.5	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	41.4	2.2%	0.8	147	0.2	5,165	8.0	1.4	79.5%	17.2%
NTP	Nhựa	28.5	0.0%	0.3	122	0.1	4,167	6.8	1.1	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	-1.3%	1.1	632	0.0	732	20.1	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.3	0.0%	1.0	2,677	4.3	2,581	8.6	1.3	38.5%	17.0%
HSG	Thép	7.6	0.0%	1.8	140	1.1	1,161	6.5	0.6	18.2%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	105.3	0.8%	0.8	7,972	3.4	5,478	19.2	6.7	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	170.0	0.0%	0.8	4,740	1.0	7,477	22.7	5.8	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.0	0.0%	1.2	2,490	2.6	4,772	10.3	1.3	38.5%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	21.1	-1.4%	0.4	538	2.4	508	41.6	1.8	6.8%	4.4%
ACV	Vận tải	57.0	7.5%	0.8	5,395	0.3	2,630	21.7	4.0	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	120.8	0.0%	1.1	2,751	1.8	7,889	15.3	4.1	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	22.7	2.3%	1.7	1,400	0.8	1,640	13.8	1.8	9.9%	12.8%
GMD	Vận tải	19.2	0.8%	0.9	247	0.1	1,595	12.0	1.0	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	12.2	-0.8%	0.6	149	0.5	2,421	5.0	0.8	31.2%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.8	0.6%	1.1	472	0.4	8,824	7.7	3.1	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.5	0.0%	0.7	361	0.1	1,454	12.7	1.3	13.3%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.1	0.7%	0.9	234	0.0	1,953	7.2	1.0	6.5%	14.2%
CTD	Xây dựng	68.4	6.9%	1.0	227	0.7	8,858	7.7	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.6	0.8%	0.9	492	0.2	1,567	16.3	1.7	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	22.5	4.7%	0.4	242	0.4	2,769	8.1	1.0	50.2%	12.9%
POW	Điện	9.9	-0.5%	0.6	1,011	1.1	1,064	9.3	0.9	12.9%	9.7%
NT2	Điện	19.9	0.8%	0.5	249	0.2	2,577	7.7	1.4	18.5%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	46.90	3.88	2.05	1.02MLN
CTG	26.45	3.73	1.03	9.51MLN
GAS	80.00	1.27	0.56	270460.00
VCB	82.20	0.49	0.43	848270.00
VNM	105.30	0.77	0.41	741380.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLX	0.00	-0.19	241940.00	1.11MLN
EIB	0.00	-0.07	120610.00	607060.00
VCF	0.00	-0.07	80.00	373600.00
VRE	0.00	-0.07	1.77MLN	192700.00
STB	0.00	-0.06	15.55MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	6.42	7.00	0.01	10.00
DRH	6.58	6.99	0.01	1.81MLN
PTC	5.05	6.99	0.00	20.00
YEG	68.90	6.99	0.04	27800.00
DGW	26.85	6.97	0.02	610740.00

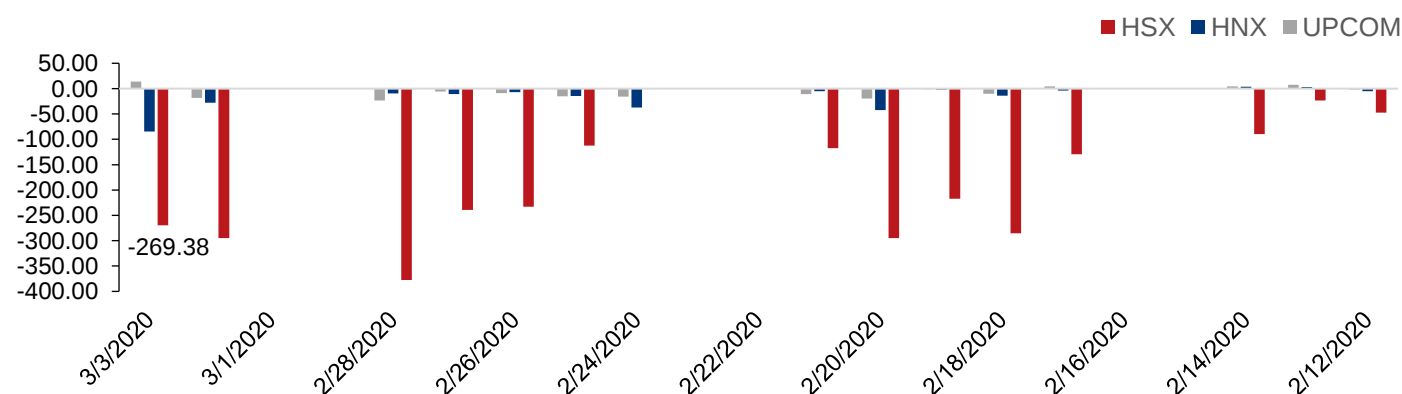
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CIG	1.86	-7.00	0.00	5200.00
CMV	18.60	-7.00	-0.01	10.00
VPS	10.65	-6.99	-0.01	280.00
TCO	11.35	-6.97	-0.01	20.00
SPM	12.05	-6.95	0.00	530.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
2	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
6	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
7	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
12	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
14	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	105.3	5,478	19.2	6.7	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.7	2,736	4.6	0.7	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	106.4	8,655	12.3	3.9	Click
4	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	33.5	6,362	5.3	1.2	Click
5	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	55.9	4,225	13.2	2.7	Click
6	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	22.3	2,109	10.6	1.6	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	26.9	3,897	6.9	1.2	Click
8	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	93.8	4,668	20.1	3.6	Click
9	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	25.5	5,020	5.1	1.2	Click
10	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	82.0	5,327	15.4	4.0	Click
11	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	12.2	2,421	5.0	0.8	Click
12	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	164.0	14,782	11.1	4.5	Click
13	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	12.1	0	34.6	0.4	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	106.4	8,655	12.3	3.9	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	25.6	3,686	6.9	1.5	Click
16	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.7	2,736	4.6	0.7	Click
17	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	22.5	2,881	7.8	1.3	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	82.2	5,004	16.4	3.6	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	26.3	7,028	3.7	1.3	Click
20	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	55.9	4,225	13.2	2.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VNM 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 127300 ; Giá tại Publish 106400 BSC dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST lần lượt là 62,211 tỷ đồng (+ 10.46% YoY) và 11,281.8 tỷ đồng (+6.6% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 5,840 VND/CP (đã trừ QKTPL), PE fw = 18.2x, và PB fw = 5.4x. VNM DTT tăng trưởng ổn định đạt 56,318 tỷ đồng (+7.1% YoY) tính riêng Quý 4 đạt 14,239 tỷ đồng (tăng +9.5% YoY). BLNG cải thiện lên 47.2% trong 2019 tăng 46 điểm cơ bản so với cùng kì.
Express QNS 2020Q1	17/02/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 35450 ; Giá tại Publish 29000 BSC khuyến nghị MUA cổ phiếu QNS với giá mục tiêu 35,450 đồng/CP dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 7.0x , upside 20% Y/Y so với giá ngày 14/02/2020 là 29,500 đồng/cp. BSC dự báo DTT và LNST của QNS 2020 sẽ đạt lần lượt là 9,471.5 tỷ đồng (+22.6% YoY) và 1,400.9 tỷ đồng (+9.5% YoY), tương đương EPS 2020 là 4,685 vnd/cp (đã trừ đi QKTPL), PE fw là 6.4x và PB Fw là 1.2x.
Express SAB 2020Q1	10/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 190000 ; Giá tại Publish 195000 BSC cho rằng nghị định 100/2019 và dịch bệnh Corona sẽ ảnh hưởng tiêu cực của HDKD ngành bia và đặc biệt SAB trong 2020. Chúng tôi cho rằng sản lượng bia thông qua kênh on-trade (chiếm gần 70-80% doanh thu) sẽ giảm đáng kể từ 15-20% do nhu cầu tiêu thụ bia rượu ở các quán ăn giảm mạnh do ND 100 và dịch bệnh nCoV. Bên cạnh đó, giá bán bia sẽ điều chỉnh giảm theo cung-cầu của thị trường từ 5-10%. Trong trường hợp xấu nhất, BSC dự báo KQKD SAB 2020 với DTT và LNST đạt lần lượt 30,461 tỷ đồng (-20% YoY) và 4,936 tỷ đồng (-8.1% YoY) , tương ứng EPS FW là 6,939 vnd/cp.
Express GTN 2020Q1	15/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu; Giá tại Publish DT và LN TT hợp nhất năm 2020 dự kiến đạt 2,909 tỷ (-2.1%) và 159 tỷ (tăng 16 lần so với 2019). Ảnh hưởng của nCoV: + Đối với VNM: xuất khẩu vào Trung Quốc vẫn chưa ảnh hưởng do xuất khẩu chính ngạch bằng đường thủy (cảng chưa bị cấm). Đồng thời, có dịch thì người dân Trung Quốc dự kiến tăng tiêu thụ các sản phẩm dinh dưỡng, tăng sức đề kháng. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi kênh trường học do học sinh nghỉ kéo dài. Đối với việc đảo lộn về sản xuất, VNM chỉ có tồn kho 1 tháng nên có thể thay đổi sản lượng sản xuất nhanh.
VHC 2020Q1	21/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 35000 ; Giá tại Publish 34450 Năm 2020, BSC dự báo năm 2020 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VHC lần lượt đạt 8,645 tỷ (+9.9% YoY) và 956 tỷ (-18.9% YoY) (giảm lần lượt 23.0% và 38.4% doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với dự phóng trước). EPS dự phóng 2020 đạt 5,197 VND/cp, tương đương với PE fw 2020 là 6.6. Ảnh hưởng bởi dịch bệnh nCoV khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm. Các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu vào Mỹ trong trường hợp thuế POR 15 chính thức là 0% (POR15 sơ bộ đang là 0%).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn